

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: **58/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 tháng 09 năm 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Cường

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2024 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 07 năm 2024 về việc “*tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 09 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 265/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 09 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm: 1974; (Có mặt)

Nơi ĐKNKTT: 155 Cần Giuộc, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Chỗ ở: 11 Đinh Thị Vân, phường An Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm: 1972; (Vắng mặt)

Nơi ĐKNKTT: 155 Cần Giuộc, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Chỗ ở: 11 Đinh Thị Vân, phường An Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phan Thị L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị L và ông Nguyễn Thành T kết hôn với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở đường H, phường H, quận T.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng đã phải thuê nhà ở nhiều nơi và hiện tại đang sinh sống ở địa chỉ số A Đ, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Tuy vợ chồng ở chung một nhà nhưng thực tế đã ly thân, phần ai nấy sống, không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau. Do mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Phan Thị L và ông Nguyễn Thành T có 02 con chung Nguyễn Phan Phương A - Sinh ngày: 11/10/2002 và Nguyễn Phan Thảo A1 - Sinh ngày: 07/06/2005.

Các con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn là ông Nguyễn Thành T không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 19/08/2024, ngày 28/08/2024 và ngày 04/09/2024 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê:**

Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là ông Nguyễn Thành T vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị L xin ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Các con chung Nguyễn Phan Phương A - Sinh ngày: 11/10/2002 và Nguyễn Phan Thảo A1 - Sinh ngày: 07/06/2005 đã thành niên nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị L xác nhận không có nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phan Thị L khởi kiện “Ly hôn” đối với bị đơn là ông Nguyễn Thành T có địa chỉ cư trú tại phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Nguyễn Thành T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt họp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị L và ông Nguyễn Thành T có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Việc kết hôn giữa bà L và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối và không trái với quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị L và ông Nguyễn Thành T là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Phan Thị L xác nhận trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo bà L thì nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mặc dù chung nhà nhưng đã ly thân, phần ai nấy sống, không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau. Tại phiên tòa, bà L khẳng định đã hết tình cảm với ông Nguyễn Thành T nên mong muốn được ly hôn.

Xét qua xác minh, địa phương nơi cư trú xác nhận vợ chồng bà L và ông T đang sinh sống tại số nhà A Đ, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng, địa phương không nắm được nội dung mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L và ông T. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng bị đơn ông Nguyễn Thành T đều không có mặt để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà L. Điều này thể hiện thái độ thiếu thiện chí trong việc hàn gắn hôn nhân, đồng thời chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L, ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung* : Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Phan Thị L xác nhận có 02 con chung Nguyễn Phan Phương A - Sinh ngày: 11/10/2002 và Nguyễn Phan Thảo A1 - Sinh ngày: 07/06/2005. Ông Nguyễn Thành T không có ý kiến phản đối nên căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận việc bà L và ông T có con chung là sự thật. Các con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Phan Thị L xác nhận không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thành T không có ý kiến gì đối với các vấn đề tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này bà L, ông T có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] *Về án phí*: Bà Phan Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Thị L.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phan Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

- *Về con chung*: Các con chung Nguyễn Phan Phương A - Sinh ngày: 11/10/2002 và Nguyễn Phan Thảo A1 - Sinh ngày: 07/06/2005 đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Phan Thị L xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Phan Thị L phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0001387 ngày 18/07/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Phan Thị L đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Riêng bị đơn ông Nguyễn Thành T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận: TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Thanh Khê;
- Chi cục Thi hành án Thanh Khê;
- UBND xã B,
huyện T, tỉnh Quảng Nam;
(Giấy CNKH số 78 ngày 29/03/2002)
- Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh T1